

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-
BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn,
chứng từ.

(Bản gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tài chính đã triển khai việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, riêng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật (Chương X) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022; khuyến khích cơ quan tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01/7/2022¹.

Thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019, ngày 19/10/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ (sau gọi chung là Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) với mục tiêu là áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về HĐĐT trước ngày 01/7/2022.

Bộ Tài chính cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn một số nội dung quy định một số nội dung của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Quyết định công bố định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử và quy trình quản lý hóa đơn

¹ Khoản 1, khoản 2 Điều 151 Luật Quản lý thuế.

điện tử². Quá trình thực hiện, cùng với sự phối hợp của UBND các tỉnh, thành phố, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định triển khai áp dụng hóa đơn điện tử³ trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố theo hai (02) giai đoạn, giai đoạn một từ tháng 11/2021 áp dụng tại 6 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Bình Định), giai đoạn 2 từ tháng 02/2022 áp dụng trên 57 tỉnh, thành phố còn lại.

Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử thống nhất tập trung và có khả năng: đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý số lượng hóa đơn lớn (trung bình 6,4 tỷ hóa đơn/năm); có các phần mềm quản trị hệ thống tự động theo dõi, báo cáo và cảnh báo sự cố liên quan đến hoạt động của các hệ thống máy chủ, ứng dụng dịch vụ (micro service); phần mềm theo dõi trực tuyến (online) về sức khỏe của hệ thống (đường truyền, cơ sở dữ liệu...); đảm bảo hoạt động ổn định 24/7 để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận và xử lý cấp mã hóa đơn để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế; hỗ trợ cơ quan thuế các cấp trong công tác quản lý thuế với việc cung cấp các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết theo nhiều tiêu thức quản lý khác nhau, báo cáo hỗ trợ quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, hỗ trợ cung cấp các chức năng khai thác dữ liệu.... Đồng thời, kết nối và chia sẻ cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan nhà nước theo từng lần phát sinh hoặc lô dữ liệu; kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp từ các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành nghề điện lực, xăng dầu, ngân hàng, bảo hiểm.

Để khuyến khích người tiêu dùng có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan, Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế triển khai trên cả nước chương trình “Hóa đơn may mắn” (quay số hóa đơn trúng thưởng) và chương trình “Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế” cho các ngành: kinh doanh ăn uống nhà hàng, khách sạn; bán lẻ hàng hóa (bao gồm siêu thị); bán lẻ thuốc tân dược; dịch vụ khác để quản lý chính xác doanh thu của các ngành nghề kinh doanh này.

Lũy kế **đến 24h ngày 30/12/2023**, trên cả nước đã có tổng số **6,271,899,856** hóa đơn điện tử đã được tiếp nhận và xử lý (Hóa đơn điện tử có mã: **1,798,009,183**; Hóa đơn điện tử không có mã: **1,709,985,132**; Hóa đơn điện tử không mã gửi Bảng tổng hợp: **2,762,496,301**; Hóa đơn theo từng lần phát sinh: **1,409,240**).

Việc sử dụng hóa đơn điện tử trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan khác của

² Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021, Quyết định 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 về việc công bố định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử, Quyết định số 1447/QĐ-TCT ngày 05/10/2021 ban hành Quy trình quản lý hóa đơn điện tử.

³ Quyết định số 1830/QĐ-BTC, 1831/QĐ-BTC, 1832/QĐ-BTC, 1833/QĐ-BTC, 1838/QĐ-BTC, 1839/QĐ-BTC ngày 20/9/2021, Quyết định 206/QĐ-BTC ngày 24/2/2022

nhà nước. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng hóa đơn điện tử góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy. Với ngành tài chính, dữ liệu hóa đơn điện tử được xác định là một trong các nền tảng cơ bản của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, trong gần 3 năm triển khai Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng có một số khó khăn, vướng mắc như:

- Một số quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử của người bán chưa quy định rõ: về thời điểm lập hóa đơn của hàng hóa xuất khẩu, thời điểm lập hóa đơn của một số ngành nghề đặc thù (như ngân hàng, bảo hiểm,...); loại hóa đơn dùng cho DNCX khi có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất hoặc khi bán, thanh lý tài sản chưa được quy định; một số trường hợp hóa đơn điện tử đã lập không phải sai nhưng cần điều chỉnh/ thay thế cần có quy định để phân biệt với các trường hợp điều chỉnh/ thay thế hóa đơn lập sai;...

- Chưa quy định cụ thể đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền và nội dung hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền mà các nội dung này đang được hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

- Phát sinh một số vụ án mua bán hóa đơn lớn⁴ đòi hỏi ngành thuế cần phải có giải pháp quản lý người nộp thuế ngay từ khâu đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Thực tế phát sinh một số hành vi, dấu hiệu gian lận từ các vụ án liên quan lập hóa đơn điện tử không để trốn thuế, do đó, cần bổ sung các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT nhằm kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận liên quan đến sử dụng HĐĐT.

- Phát sinh một số trường hợp cần đưa vào diện cấp hóa đơn từng lần phát sinh để cơ quan thuế giám sát, quản lý.

- Quy định về chứng từ điện tử còn nhiều bất cập, chưa có quy định về đăng ký sử dụng chứng từ điện tử và chưa có quy định về xử lý chứng từ đã lập trong trường hợp lập sai

- Một số nội dung cần rà soát, sửa đổi, bổ sung để thống nhất với các quy định, hướng dẫn tại các Thông tư, Nghị định liên quan.

- Quy định về tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử còn bất cập, thực tế có quá nhiều cơ quan có văn bản đề nghị được truy cập vào hệ thống hóa đơn điện tử của ngành thuế nên không đảm bảo bảo mật của hệ thống.

⁴ Tháng 12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử vụ án đường dây mua bán hóa đơn giá trị GTGT gần 64.000 tỷ đồng; Tháng 12/2023, cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng đã khởi tố vụ án 3 đường dây thành lập 280 công ty, mua bán trái phép hóa đơn với doanh số hơn 25.000 tỷ đồng; Tháng 10/2023, Công an TP HCM hoàn tất kết luận điều tra vụ án hình sự “in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn” và trốn thuế 34.000 hóa đơn trị giá hơn 4.000 tỷ đồng;...

- Một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP còn chưa phù hợp thực tế và quá trình số hóa.

Để phù hợp với Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh trọng tâm là đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số một cách phù hợp, thực chất và hiệu quả và vừa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của người nộp thuế trong quá trình thực hiện thì việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử, cải cách thủ tục hành chính.

- Có giải pháp ngăn ngừa và hạn chế gian lận về sử dụng hóa đơn điện tử.

- Nghiên cứu sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử.

- Bổ sung giải pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Quy định rõ hơn trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; hệ thống hóa quy định việc trao đổi cung cấp thông tin HĐĐT nhưng vẫn đảm bảo tính bảo mật của hệ thống HĐĐT.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi.

- Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số .

- Sửa đổi những quy định chưa phù hợp, bổ sung cập nhật các nội dung mới dựa trên nguyên tắc phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Kế thừa và phát huy những quy định về hóa đơn, chứng từ đã mang lại tác động tích cực; những nội dung sửa đổi, bổ sung đều rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành địa phương xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP như sau:

Ngày 29/8/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 9206/BTC-TCT kèm dự thảo Nghị định, tờ trình và các tài liệu có liên quan gửi lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó có Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

Ngày 30/8/2023, toàn văn Dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Bộ Tài chính đã nhận được gần 100 ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp như sau:

- 14/17 Bộ
- 4/4 Cơ quan ngang Bộ
- 5/8 Cơ quan thuộc CP
- 47 địa phương (14 UBND, 10 Sở Tài chính, 23 Cục Thuế).

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, dự thảo Tờ trình và gửi Bộ Tư pháp thẩm định (công văn số /BTC-TCT ngày tháng năm 2024).

IV. TÊN GỌI, BỐ CỤC CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Tên gọi Nghị định

“Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ”.

2. Bố cục của Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm **02 Điều**:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

V. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Nghị định quy định theo từng nhóm nội dung liên quan người nộp thuế, cơ quan thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan, cụ thể như sau:

1. Nhóm nội dung liên quan đến người nộp thuế nhằm quy định minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đơn giản hóa thủ tục thực hiện.

Nhóm vấn đề này tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung về: Nguyên tắc lập hóa đơn (Điều 4); Hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ (Điều 5); Loại hóa đơn (Điều 8); Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9); Nội dung hóa đơn (Điều 10); Áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế (Điều 11); Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 13); Xử lý hóa đơn đã lập sai (Điều 19). Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 về Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn.

Tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ gồm tám (08) khoản.

Tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về nguyên tắc lập hóa đơn một số trường hợp như: **(i)** Các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế; **(ii)** Hoàn thiện nguyên tắc về cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; **(iii)** Cần có quy định về việc sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ; **(iv)** Chưa có quy định về việc ủy quyền lập hóa đơn trong hoạt động thương mại điện tử; **(v)** Chưa có quy định lập biên lai thu phí và hóa đơn điện tử trên cùng một định dạng điện tử để giảm chi phí cho 01 người mua/người sử dụng dịch vụ; **(vi)** Liên quan hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cần bổ sung nguyên tắc sử dụng chứng từ điện tử.

Theo đó, dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã bổ sung quy định đối với một số nội dung nêu trên.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia, tiếp thu ý kiến NHNN, Bộ KHCN và sau khi rà soát, Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Về nguyên tắc lập hóa đơn: Cơ bản giữ như quy định tại Nghị định hiện hành và bổ sung “*các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại Điều 19 Nghị định này*”.

Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lập chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí tại khoản 2 theo hướng cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế; đồng thời thay “*kỳ*” tính thuế bằng “*năm*” tính thuế để giảm thủ tục khi cấp chứng từ thuế TNCN. Dự thảo Nghị định vẫn giữ quy định: “*Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân*”.

Hoàn thiện câu chữ quy định về các đối tượng phải đăng ký sử dụng hóa đơn, chứng từ tại khoản 3. Thay cụm từ “*biên lai*” bằng “*chứng từ*” để bao quát; dùng thống nhất cụm từ “*hộ kinh doanh*”; bổ sung cụm từ “*tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân*” để đầy đủ đối tượng sử dụng hóa đơn, chứng từ.

Bổ sung tại khoản 6 quy định về sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ.

Sửa đổi, bổ sung khoản 7 quy định cho phép trường hợp cá nhân kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử nếu đã ủy quyền cho chủ sở hữu

sản khai thuế theo quy định tại Nghị định 91/2022/NĐ-CP thì có thể ủy quyền cho sản lập hóa đơn giao cho người mua.

Bổ sung khoản 9 quy định chứng từ điện tử tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để thuận lợi cho người mua hàng hóa, dịch vụ, và thuận lợi trong việc triển khai chuyển đổi số theo đề xuất của địa phương (UBND tỉnh Quảng Ninh đề nghị).

Bổ sung khoản 10 quy định về nguyên tắc lập chứng từ điện tử hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 5 về Hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ.

Tại Điều 5 Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ gồm 02 khoản quy định hành vi bị cấm đối với công chức thuế (khoản 1) và đối với tổ chức, cá nhân bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan (khoản 2).

Khoản 1 Điều 5 Nghị định hiện hành chưa có quy định trường hợp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử về cơ quan thuế không theo quy định là hành vi bị cấm đối với công chức thuế. Tại Điều 30 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã có quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Do đó, tại khoản 1 Điều 5 bổ sung trường hợp “*Không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử về cơ quan thuế theo quy định*”. Đồng thời bổ sung hành vi “*làm giả hóa đơn, chứng từ để thực hiện hành vi trái pháp luật*” là hành vi trái pháp luật.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 8 về Loại hóa đơn.

Tại Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về loại hóa đơn, bao gồm 07 khoản.

Tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất (DNCX) cho phép DNCX ngoài hoạt động chế xuất còn được thực hiện: (i) bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng và các hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; (ii) các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; (iii) bán hàng hóa vào thị trường nội địa. Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chỉ có quy định về việc tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan (trong đó có DNCX) sử dụng loại hóa đơn bán hàng, loại “*Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan*”, chưa có quy định về loại hóa đơn khi DNCX có hoạt động khác ngoài hoạt động chế

xuất mà Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã quy định.

Trong quá trình thực hiện Nghị định 123/2020/NĐ-CP, một số doanh nghiệp nêu vướng mắc về việc thực tế các doanh nghiệp đang phải sử dụng hai loại hóa đơn khi xuất khẩu hàng hóa: (1) hóa đơn thương mại (là loại hóa đơn được lập theo thông lệ quốc tế và thuộc thành phần hồ sơ khai hải quan theo quy định của pháp luật hải quan); (2) hóa đơn bán hàng/hóa đơn GTGT điện tử (là loại hóa đơn đăng ký sử dụng với cơ quan thuế và chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế), trong khi trước đây doanh nghiệp chỉ sử dụng hóa đơn thương mại. Do đó, doanh nghiệp đề xuất sử dụng 01 loại hóa đơn khi xuất khẩu hàng hóa.

Cần sửa đổi, bổ sung quy định về loại hóa đơn điện tử bán tài sản công để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định quy định thi hành.

Từ vướng mắc trên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định sử dụng hóa đơn khi DNCX có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất.

Bổ sung quy định về hóa đơn thương mại điện tử khi xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

Hoàn thiện quy định về hóa đơn bán tài sản công để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định quy định thi hành.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 9 về Thời điểm lập hóa đơn.

Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định thời điểm lập hóa đơn gồm 4 khoản, quy định nguyên tắc chung về thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 9 có quy định thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như cung cấp dịch vụ số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần thời gian đối soát số liệu như dịch vụ viễn thông, hoạt động xây dựng, lắp đặt, tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng, tổ chức kinh doanh mua dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử, hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô, kinh doanh thương mại bán lẻ, kinh doanh dịch vụ ăn uống, hoạt động bán điện, bán xăng dầu, cung cấp dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ bảo hiểm qua đại lý, cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trở lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh (hoặc cá nhân kinh doanh), kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh, hoạt động thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

Qua thời gian triển khai thực hiện có phát sinh một số trường hợp có tính chất đặc thù cần có quy định cụ thể như các trường hợp đã được quy định tại

khoản 4 Điều 9 như: hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, dịch vụ quảng cáo truyền hình, chuyển tiền quốc tế, chứng khoán, xỏ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa các nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh vé xỏ số, hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng. Hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng, hoạt động cho vay, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng cần có quy định cụ thể về thời điểm lập hóa đơn. Quy định lập hóa đơn của cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, ăn uống cần được rà soát phù hợp với việc triển khai HĐĐT từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Quy định về thời điểm lập hóa đơn hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua tại Nghị định hiện hành chưa phù hợp với thực tế phát sinh.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Đài THVN, rà soát sau các cuộc họp, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung tại khoản 1 quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với hàng hóa xuất khẩu theo 02 trường hợp:

+ Trường hợp người bán đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan và chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại điện tử đến cơ quan thuế.

+ Trường hợp người bán không đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì thời điểm lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

- Thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ (*quy định tại khoản 2*) vẫn giữ như hiện hành và có bổ sung câu chữ thể hiện việc lập hóa đơn đối với dịch vụ bao gồm cả cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Tại điểm a, khoản 4 quy định thời điểm lập hóa đơn đối với các trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp và khách hàng là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước thì bổ sung thêm các dịch vụ được áp dụng thời điểm lập hóa đơn như trên gồm: *dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), dịch vụ quảng cáo truyền hình, chuyển tiền quốc tế, chứng khoán, xỏ số điện toán, cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí*

- Tại điểm e khoản 4, sửa đổi, bổ sung thời điểm lập hóa đơn “đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua” theo hướng *thời điểm lập hóa là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế* để phù hợp với quy định tại điểm h khoản 4 Điều 9 Nghị định về thời điểm lập hóa đơn đối với bán điện của các công ty phát điện và tránh phụ thuộc vào thời điểm lập thông báo theo chủ quan của doanh nghiệp như quy định hiện hành (là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao hàng tháng nhưng chậm nhất không quá 07 ngày kế tiếp kể từ ngày bên bán gửi thông báo lượng khí giao hàng tháng).

- Bỏ điểm g khoản 4 về thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ có sử dụng máy tính tiền nhưng chưa đáp ứng điều kiện kết nối với cơ quan thuế do căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có quy định về nguyên tắc lập hoá đơn điện tử. Do đó, cần bỏ quy định này để đáp ứng việc thực hiện xuất hoá đơn theo từng giao dịch đúng quy định của pháp luật và phù hợp với đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền (được bổ sung tại khoản 1 Điều 11 – *được báo cáo tại điểm e khoản 1 mục V tờ trình này*).

- Điểm l (được sửa đổi thành điểm k) khoản 4 và sửa đổi, bổ sung một số quy định:

+ Bỏ nội dung quy định thời điểm lập hóa đơn trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyên tiền qua ví điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trở lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh (hoặc cá nhân kinh doanh) nhưng không có nhu cầu lấy hóa đơn tại Nghị định hiện hành.

+ Bổ sung quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động cho vay xác định theo kỳ hạn thu lãi tại hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng đi vay.

+ Bổ sung quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ: thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đổi ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

- Bổ sung vào điểm n (được sửa đổi thành điểm m) khoản 4 quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh khi thanh, quyết toán với BHXH cho phù hợp với Luật Bảo hiểm xã hội trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

- Bổ sung điểm o vào khoản 4 quy định về thời điểm lập hóa đơn của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là *thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm*.

- Bổ sung quy định điểm p khoản 4 quy định thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (vé xổ số) theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng hàng trên cơ sở tiếp thu ý kiến các doanh nghiệp kinh doanh xổ số, các Cục Thuế.

- Bổ sung điểm q thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng: doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng căn cứ vào tổng doanh thu thu được trên Mẫu số 01/TH-DT để lập hóa đơn chậm nhất là một (01) ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế trong ngày lập hóa đơn.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

đ) Sửa đổi, bổ sung Điều 10 về Nội dung hóa đơn.

Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về nội dung hóa đơn gồm 16 khoản.

Qua quá trình thực hiện phát sinh các vướng mắc cần quy định rõ về số định danh người mua trên hóa đơn; nội dung hóa đơn của hoạt động kinh doanh vận tải, kinh doanh ăn uống, nhà hàng; nội dung hóa đơn đối với trường hợp khuyến mại; thời điểm ký số và thời điểm lập trên hóa đơn khác nhau và nội dung hóa đơn của hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cũng cần được quy định rõ.

Ngoài ra, tại điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về tên hoá đơn, trong đó có “HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ”, tuy nhiên Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chưa quy định các nội dung của hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế GTGT. Thực tế các đơn vị đang dùng mẫu hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế theo Thông tư 92/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế (mẫu hóa đơn gồm 3 phần: Phần A: Do cửa hàng ghi, Phần B: Dành cho cơ quan hải quan, Phần C: Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế) khi chuyển đổi sang sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Dự thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có đề xuất sửa đổi, bổ sung 04 khoản (khoản 5, 6, 9, 14) và bổ sung nội dung về hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế để tháo gỡ các vướng mắc trên.

Sau tổng hợp, rà soát tiếp thu ý kiến của các đơn vị và tiếp thu ý kiến Đài THVN, Bộ TT&TT, Bộ KH&CN, Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung số định danh cá nhân của người mua, mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách để phù hợp quy định về cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách tại khoản 1, khoản 7 Điều 4 Thông tư 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính (do Cục Tin học và Thống kê Tài chính chủ trì), và quy định trường hợp người mua cung cấp mã số thuế, số định danh cá nhân thì

trên hóa đơn phải thể hiện mã số thuế, mã số định danh người mua tại khoản 5 quy định về tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua.

- Bổ sung tại khoản 6 (Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ...) gồm: (1) Bổ sung ví dụ thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn đối với kinh doanh ăn uống, vận tải; (2) Bổ sung nội dung trên hóa đơn trong trường hợp kinh doanh vận tải phải thể hiện biên kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi-điểm đến); (3) Bổ sung nội dung trên hóa đơn trong trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử để phục vụ quản lý thuế thương mại điện tử phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng; (4) Bổ sung quy định được lập Bảng kê hàng hóa, dịch vụ nếu người mua hàng không yêu cầu lấy hóa đơn đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, đối với trường hợp khuyến mại theo quy định pháp luật về thương mại, cho, biếu, tặng hàng hóa phù hợp quy định pháp luật.

- Sửa đổi quy định tại khoản 9 về thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số trên hóa đơn trong trường hợp thời điểm lập và thời điểm ký số khác nhau.

- Bổ sung điểm 1 vào khoản 14 quy định về một số nội dung không nhất thiết phải có trên hóa đơn điện tử của hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng do thực trạng tại các doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, việc xuất hóa đơn GTGT không nhằm mục đích giao cho người sử dụng dịch vụ để xác nhận việc cung cấp dịch vụ vì các cá nhân khi chơi casino, trò chơi điện tử có thưởng có nhu cầu được bảo mật thông tin và không có nhu cầu lấy hóa đơn; hóa đơn GTGT chỉ làm căn cứ để các doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng kê khai, nộp thuế.

- Bổ sung khoản 17 quy định về hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

e) Sửa đổi, bổ sung Điều 11 về Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế.

Tại Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế bao gồm 03 khoản, chưa quy định cụ thể đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền và nội dung hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền mà các nội dung này đang được hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Dự thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có bổ sung các nội dung trên trên cơ sở hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Tiếp thu ý kiến các Bộ: Tư pháp, Bộ Công an, ý kiến các Cục Thuế, doanh nghiệp và qua rà soát các cuộc họp về việc bổ sung mã QR để người mua tra cứu hóa đơn, Điều 11 được sửa đổi, bổ sung theo hướng sửa đổi câu chữ tại 03 khoản hiện hành và bổ sung 02 khoản quy định về đối tượng áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền và nội dung trên HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

g) Sửa đổi, bổ sung Điều 13 về Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Tại Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có 4 khoản, quy định về đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử, cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, sử dụng hóa đơn trong một số trường hợp và giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác theo yêu cầu quản lý.

Quá trình thực hiện phát sinh trường hợp doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án theo quy định pháp luật phá sản cần đưa vào diện cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh để cơ quan thuế kiểm soát, quản lý; chưa có quy định về cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với trường hợp bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua chịu trách nhiệm khai thay, nộp thay như người nộp thuế theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP⁵; chưa có quy định cấp hóa đơn đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu (quy định tại Điều 16); chưa quy định rõ việc khai, nộp thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn, xử lý hóa đơn điện tử do cơ quan thuế cấp sau đó phát hiện bị sai.

Trên cơ sở ý kiến tham gia, về cơ bản, nhất trí của các đơn vị, Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung các trường hợp sau được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng:

+ Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu;

+ Cấp hóa đơn cho bên mua trong trường hợp bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua chịu trách nhiệm khai thay, nộp thay như người nộp thuế theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và bên bán không còn tồn tại.

- Bổ sung các trường hợp sau được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng:

⁵ “g) Bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán (trừ trường hợp được miễn thuế, không phải nộp thuế hoặc tạm thời chưa phải nộp thuế); bên thứ ba có liên quan được phép bán tài sản của cá nhân theo quy định của pháp luật thì bên mua, bên thứ ba có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo quy định.”. (điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020).

+ Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu.

- Bổ sung quy định về khai, nộp thuế khi cấp hóa đơn từng lần phát sinh và quy định điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn cấp từng lần phát sinh bị lập sai

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

h) Sửa đổi, bổ sung Điều 19 về Xử lý hóa đơn có sai sót.

Tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về xử lý hóa đơn có sai sót gồm 04 khoản, quy định về hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót, về lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế trong trường hợp có sai sót về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai sót; có sai: mã số thuế; sai sót về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng; điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn điện tử đối với ngành hàng không.

Điều 19 chưa có quy định lập 01 hóa đơn để điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn đã lập sai của cùng người mua; chưa có quy định xử lý hóa đơn điện tử đã lập nhưng không sai trong một số trường hợp như khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng; trả lại hàng hóa, chấm dứt toàn bộ hoặc một phần việc cung cấp dịch vụ (*trường hợp hủy hoặc chấm dứt dịch vụ được hướng dẫn tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC nhưng theo kết quả kiểm tra văn bản của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp thì không phải là trường hợp lập sai nên đề nghị có hướng dẫn xử lý cho phù hợp*); kê khai hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế.

Ngoài ra, thực tế phát sinh trường hợp người mua, người bán đã kê khai thuế, sau đó người bán tự ý hủy hoặc điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn nhưng không có thỏa thuận, không thông báo cho người mua, gây ảnh hưởng đến quyền lợi người mua.

Để giải quyết được các vướng mắc trên, dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương dự kiến sửa đổi, bổ sung 08 khoản của Điều 19, bao gồm sửa đổi 04 khoản của Nghị định hiện hành và bổ sung 04 khoản.

Sau rà soát, Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa tên Điều 19 từ “*Xử lý hóa đơn có sai sót*” thành “*Thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử*” để bao quát các trường hợp cần điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn đã lập bao gồm các trường hợp lập sau và trường hợp không phải do lập sai, trong đó có trường hợp hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp). Ngoài ra, theo kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh An Giang tại Phụ lục kết quả rà soát theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội do Bộ Tư pháp gửi kèm công văn số 4106/BTP-

KTrVB ngày 05/9/2023 thì các trường hợp phải gửi mẫu 04/SS-HĐĐT đến cơ quan thuế cần được quy định rõ tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP hoặc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 78/2021/TT-BTC, Bộ Tài chính đã rà soát kiến nghị nêu trên và tại dự thảo Nghị định đã tiếp thu kiến nghị nêu trên, theo đó, đã quy định rõ các trường hợp phải gửi mẫu 04/SS-HĐĐT đến cơ quan thuế, trường hợp phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc hóa đơn thay thế thì không phải lập mẫu 04/SS-HĐĐT.

- Bổ quy định về hủy hóa đơn tại khoản 1, theo đó, hóa đơn đã lập sẽ không được hủy mà thực hiện điều chỉnh hoặc thay thế.

- Bổ sung quy định khi điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn, người bán, người mua phải có văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai.

- Bổ sung quy định lập 01 hóa đơn để thay thế hoặc điều chỉnh cho nhiều hóa đơn đã lập sai trong cùng tháng của cùng 01 người mua.

- Bổ sung 01 khoản (khoản 4) quy định các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh trong một số trường hợp (mà không phải do lập sai).

- Bổ sung 01 khoản (khoản 5) quy định về áp dụng hóa đơn điện tử điều chỉnh, thay thế, theo đó, đưa một số hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC lên Nghị định (đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn có sai sót thì điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh) và bổ sung quy định khai hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế để có cơ sở giải quyết những vướng mắc trong thời gian qua.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

2. Nhóm nội dung liên quan giải pháp của cơ quan thuế nhằm tăng cường công tác quản lý thuế, chống gian lận trong sử dụng hóa đơn điện tử

Nhóm nội dung này tập trung sửa đổi: Điều 15 - Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử ; Điều 16 - Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để bổ sung biện pháp phòng ngừa, hạn chế gian lận ngay từ khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT và có giải pháp xử lý đối với hành vi gian lận trong quá trình sử dụng HĐĐT.

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 15 về Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP gồm 06 khoản, quy định về trình tự thủ tục đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hóa đơn điện tử.

Thực tế áp dụng HĐĐT thời gian qua phát sinh trường hợp do việc đăng ký thành lập doanh nghiệp quá dễ dàng nên một số đối tượng lợi dụng để thành lập doanh nghiệp, không hoạt động sản xuất, kinh doanh mà đăng ký sử dụng HĐĐT và thực hiện hành vi bán khống HĐĐT. Qua rà soát dữ liệu HĐĐT trong công tác quản lý thuế, cơ quan thuế đã phát hiện một số trường hợp xuất HĐĐT với doanh số lớn “đột biến”. Ngoài ra, cơ quan cảnh sát điều tra tại một số tỉnh

cũng đã thực hiện điều tra một số vụ án liên quan đến thành lập doanh nghiệp để thực hiện mua, bán hóa đơn điện tử không hợp pháp. Do đó, để phòng chống gian lận trong việc thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích mua bán hóa đơn điện tử, dự thảo Nghị định bổ sung quy định xác định nhân thân của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, xác minh người nộp thuế có hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trong trường hợp người nộp thuế rủi ro cao về thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trên cơ sở tiếp thu kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Trị tại Phụ lục kết quả rà soát theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 do Bộ Tư pháp gửi kèm công văn số 4106/BTP-KTrVB ngày 05/9/2023.

Qua rà soát, theo quy định tại khoản 3 và khoản 8, điều 3, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP Quy định về định danh và xác thực điện tử: “Định danh điện tử” là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử; “Xác thực điện tử” là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, cơ sở dữ liệu khác và hệ thống định danh và xác thực điện tử hoặc xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử đó.

Tại khoản 5, điều 3, Nghị định 59/2022/NĐ-CP cũng quy định: Bộ Công an xây dựng, quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử để thực hiện đăng ký, tạo lập, quản lý tài khoản định danh điện tử và thực hiện xác thực điện tử. Các phương tiện xác thực quy định tại Nghị định gồm các yếu tố sau: mật khẩu; mã bí mật; mã vạch hai chiều; thiết bị đầu cuối; thiết bị hoặc phần mềm mật khẩu sử dụng một lần; thiết bị hoặc phần mềm mật mã, thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu, ảnh chân dung, vân tay được sử dụng cho mục đích xác thực điện tử. Để có thể áp dụng các yếu tố xác thực như sinh trắc học hoặc vân tay thì cần đầu tư các thiết bị chuyên dụng như camera có cảm biến và đèn chiếu tia hồng ngoại hoặc máy đọc vân tay.

Để triển khai xác thực thông tin của chủ thể danh tính điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử khi thực hiện dịch vụ công, Nghị định 59/2022/NĐ-CP quy định cơ quan nhà nước thực hiện theo hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, điều kiện bảo đảm kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an. Vì vậy, đề xuất hiệu chỉnh quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về việc thực hiện xác thực điện tử khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Sau rà soát, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

(i) Bổ sung tại khoản 1 quy định đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đáp ứng quy định khai thuế giá trị gia tăng riêng thì được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ

chức, xử lý tài sản công không phải trả tiền dịch vụ khi sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

(ii) Bổ sung khoản 1a quy định về đăng ký sử dụng HĐĐT. Theo đó, bổ sung các giải pháp về xác thực nhân thân người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn, xác minh địa chỉ đăng ký của người nộp thuế nếu người nộp thuế thuộc trường hợp rủi ro cao để phòng ngừa gian lận ngay từ khi người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

(iii) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 quy định về thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 16 về Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

Tại Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về ngừng sử dụng hóa đơn điện tử gồm 04 khoản. Khoản 1 Điều 16 Nghị định hiện hành quy định 07 trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

Thực tế phát sinh một số trường hợp có các hành vi, dấu hiệu gian lận từ các vụ án liên quan lập hóa đơn điện tử không để trốn thuế nên tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã bổ sung các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT nhằm góp phần kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận liên quan đến sử dụng HĐĐT. Về cơ bản, các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp không có ý kiến bổ sung quy định tại Điều này.

Sau khi rà soát, Điều 16 được hoàn thiện sửa đổi, bổ sung như sau:

- Giữ 07 trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đã được quy định tại khoản 1 Điều 16 và bổ sung một số trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử vào các điểm đã được quy định tại khoản 1 Điều 16 để bao quát các trường hợp đã phát sinh trong thực tế như: (i) tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế (Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT ban hành kèm Nghị định này); (ii) hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyên đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế; (iii) cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện, khởi tố và thông báo cho cơ quan thuế; (iv) trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn; (v) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định

này thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

- Bổ sung 01 điểm (điểm i) vào khoản 1 (*trước đây là khoản cuối khoản 1 Điều 16*) và hoàn thiện quy định tại điểm này theo hướng giao Bộ Tài chính quyết định đối với các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khác.

- Khoản 2 Điều 16 về trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử được hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể thủ tục ngừng sử dụng hóa đơn điện tử tương ứng với từng trường hợp đã được quy định tại khoản 1.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

3. Nhóm nội dung liên quan trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình sử dụng hóa đơn điện tử

Hiện hành tại Điều 22 quy định về trách nhiệm của người bán trong việc sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế.

Qua quá trình thực hiện, một số vướng mắc liên quan đến trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

(i) Quy định tại Điều 22 chưa rõ điều kiện về số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng để đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế. Do đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về tiêu chí số lượng hóa đơn để các Cục Thuế có cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế của doanh nghiệp. Việc quy định số lượng hóa đơn sẽ hạn chế được số lượng doanh nghiệp thực hiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế, tránh tình trạng quá tải đối với hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.

(ii) Một số trách nhiệm liên quan đến chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử chưa được quy định tại Nghị định hiện hành.

(iii) Nghị định hiện hành chưa phân tách rõ quyền và trách nhiệm của người mua, và cần bổ sung thêm quyền của người mua được sử dụng hóa đơn hợp pháp đã được quy định trước đây tại Điều 20 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP

(iv) Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rườy và tem điện tử thuốc lá. Thông tư số 23/2021/TT-BTC có quy định về dán tem điện tử (Điều 3), nguyên tắc quản lý, sử dụng tem điện tử (Điều 4) và tra cứu, xác thực thông tin của tem điện tử trên mã QRcode đã dán trên sản phẩm (Khoản 3 Điều 6). Tuy nhiên, Thông tư 23/2021/TT-BTC chưa hướng dẫn về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải quét mã QR trước khi tiêu thụ trong nước và trước khi nhập khẩu do Nghị định 123/2020/NĐ-CP chưa có quy định này.

Tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã gộp Điều 21 (Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) và Điều 22 (Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan

thuế) thành 01 Điều (Điều 21) và bổ sung 01 Điều về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Các ý kiến tham gia, về cơ bản, không có ý kiến bổ sung về nội dung này. Sau khi rà soát, Điều 21, Điều 22 được hoàn thiện sửa đổi, bổ sung như sau:

(i) Không gộp 02 Điều 21 và Điều 22 như đã lấy ý kiến, theo đó:

- Điều 21 không có nội dung sửa đổi, bổ sung.

- Tại Điều 22, sửa tên Điều (Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử **không** có mã của cơ quan thuế) và bổ sung quy định số lượng hóa đơn để doanh nghiệp được chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế xuất phát từ lý do quy định tại Điều 22 quy định doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn số lượng lớn, có hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 thì được chuyển trực tiếp đến cơ quan thuế nhưng chưa rõ điều kiện về số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng để đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế. Do đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về tiêu chí số lượng hóa đơn để các Cục Thuế có cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế của doanh nghiệp. Việc quy định số lượng hóa đơn sẽ hạn chế được số lượng doanh nghiệp thực hiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế, tránh tình trạng quá tải đối với hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế. Trên cơ sở đánh giá dữ liệu hóa đơn điện tử, dự thảo Nghị định đề xuất số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng bình quân từ 1.000.000 hóa đơn một tháng trở lên và đáp ứng điều kiện về công nghệ thì chuyển dữ liệu trực tiếp. Với số lượng hóa đơn sử dụng như trên thì hiện tại số lượng doanh nghiệp đáp ứng điều kiện này là 31 doanh nghiệp, phù hợp với khả năng đáp ứng của hệ thống của Tổng cục Thuế.

(ii) Bổ sung Điều mới (Điều 22a) quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với khách hàng, cơ quan thuế để đảm bảo quyền lợi của khách hàng và đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm và bảo mật thông tin với cơ quan thuế.

(iii) Sửa đổi, bổ sung Điều 56 theo hướng chia rõ quy định về quyền và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ, đồng thời bổ sung quy định tra cứu, nhận file gốc hóa đơn điện tử của người bán, sử dụng hóa đơn hợp pháp theo quy định pháp luật cho các hoạt động kinh doanh là quyền của người mua hàng hóa, dịch vụ.

(iv) Sửa đổi, bổ sung Điều 58 để hướng tới mục tiêu, yêu cầu quản lý tem gắn với quản lý thuế, góp phần đánh giá việc quản lý tem, quản lý thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý về việc tổ chức, cá nhân phải thực hiện quét mã QR code cho sản phẩm.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 13, 34, 36 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

4. Nhóm nội dung liên quan quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai điện tử để tạo thuận lợi cho người sử dụng.

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 31 về Thời điểm lập chứng từ.

Điều 31 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về thời điểm lập chứng từ như sau:

“Điều 31. Thời điểm lập chứng từ

Tại thời điểm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thời điểm thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí phải lập chứng từ, biên lai giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí.”

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chưa quy định về thời điểm ký số trên chứng từ như quy định đối với hóa đơn (đã được quy định tại khoản 9 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) vì trên chứng từ điện tử cũng có 02 thời điểm (thời điểm lập, thời điểm ký số) như hóa đơn điện tử.

Qua quá trình lấy ý kiến, tiếp thu ý kiến của các Cục Thuế, Sở Tài chính, Điều 31 bổ sung quy định thời điểm ký số trên chứng từ là ***thời điểm tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sử dụng chữ ký số để ký trên chứng từ điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch*** thành khoản 2 Điều 31.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 32 về Nội dung chứng từ.

Tại Điều 32 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về nội dung chứng từ gồm 03 khoản. Điều 32 chưa quy định rõ về nội dung của chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; ký hiệu mẫu biên lai, ký hiệu chứng từ.

Nội dung gửi lấy ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 để giải quyết các vướng mắc nêu trên. Sau khi rà soát, Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

(i) Khoản 1 quy định nội dung của chứng từ khấu trừ thuế TNCN: bổ sung số điện thoại, số định danh cá nhân của cá nhân nhận thu nhập; khoản đóng bảo hiểm bắt buộc; khoản từ thiện, nhân đạo, khuyến học.

(ii) Khoản 2 bổ sung Tổng cục Hải quan quản lý trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng biên lai điện tử cần điều chỉnh một số tiêu thức nội dung trên biên lai điện tử (Nghị định hiện hành đang chỉ quy định Tổng cục Thuế).

(iii) Khoản 3 bổ sung quy định ký hiệu mẫu chứng từ, ký hiệu chứng từ thực hiện theo hướng dẫn Bộ Tài chính (*tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng quy định ký hiệu mẫu, ký hiệu hóa đơn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Thông tư số 78/2021/TT-BTC đã hướng dẫn cụ*

thể).

Đồng thời bổ sung Điều 32a quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai. Nội dung Điều 32a được đưa từ Điều 37 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đang quy định về lập và ủy nhiệm biên lai giấy và bổ sung thêm quy định về ủy nhiệm lập biên lai điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về Định dạng chứng từ điện tử.

(i) Điều 33 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về định dạng chứng từ điện tử gồm 03 khoản. Tại khoản 5 Điều 3 về giải thích từ ngữ đã sửa đổi câu chữ trong giải thích từ ngữ “*chứng từ điện tử*”, do đó, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 33 tại dự thảo Nghị định lấy ý kiến đã sửa đổi câu chữ cho thống nhất với nội dung sửa đổi tại Điều 3.

(ii) Khoản 2 Điều 33 quy định:

“2. Định dạng chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân:

Tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi sử dụng chứng từ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định này theo hình thức điện tử tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này.”

Tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã có quy định: “*c) Tổng cục Thuế xây dựng và công bố chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định này*”. Do đó, dự thảo Nghị định bỏ quy định tại khoản 2 quy định về định dạng khấu trừ thuế TNCN để tránh trùng lặp.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 34 về “Đăng ký, sử dụng biên lai điện tử”.

Điều 34 Nghị định 123/2020/NĐ-CP bao gồm 04 khoản quy định về đăng ký sử dụng biên lai điện tử và chưa có quy định về đăng ký sử dụng chứng từ điện tử khác, trong khi biên lai điện tử chỉ là một loại chứng từ điện tử. Do đó, dự thảo Nghị định sửa tên Điều 34 từ “*Đăng ký sử dụng biên lai điện tử*” thành “*Đăng ký sử dụng chứng từ điện tử*” để bao quát và bổ sung quy định đăng ký sử dụng chứng từ điện tử tương tự đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại điểm a khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

đ) Bổ sung Điều 34a về “Xử lý chứng từ điện tử đã lập”.

Nghị định 123/2020/NĐ-CP chưa có quy định về xử lý chứng từ điện tử

đã lập. Thực tế, các chứng từ điện tử đã lập cũng bị lập sai, do đó, cần có quy định để xử lý điều chỉnh như hóa đơn điện tử lập sai.

Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 34a quy định về xử lý chứng từ điện tử đã lập theo nguyên tắc như xử lý hóa đơn điện tử tại Điều 19.

Nội dung quy định cụ thể tại điểm b khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

e) Bổ sung Điều 34b về “Trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử”.

Dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương chưa có nội dung quy định về trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế TNCN, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử. Căn cứ quy định tại Điều 94 Luật Quản lý thuế (về chứng từ điện tử):

“Điều 94. Chứng từ điện tử

1. Chứng từ điện tử bao gồm các loại chứng từ, biên lai được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế bằng phương tiện điện tử khi thực hiện các thủ tục về thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các loại chứng từ, biên lai điện tử khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết các loại chứng từ điện tử quy định tại Điều này và việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử.”

Để đảm bảo việc sử dụng chứng từ điện tử đúng quy định, sau rà soát, Điều 34b được bổ sung để quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi triển khai chứng từ điện tử.

Theo đó, ngoài quy định về trách nhiệm của tổ chức trả thu nhập (như quản lý tài khoản, tạo lập chứng từ, lưu trữ...) thì việc truyền dữ liệu về chứng từ khấu trừ sẽ giúp cho cơ quan thuế kịp thời có dữ liệu để xử lý hoàn thuế, bên cạnh đó, tổ chức trả thu nhập không phải thực hiện báo cáo tình hình sử dụng chứng từ khấu trừ cho cơ quan thuế mà sẽ truyền dữ liệu qua đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc thông qua việc tổ chức sử dụng chứng từ khấu trừ điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, vì vậy, tại Điều 34b quy định cụ thể trách nhiệm chuyển dữ liệu chứng từ điện tử đến cơ quan thuế của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi Báo cáo tình hình sử dụng biên lai cùng với thời gian gửi Tờ khai phí, lệ phí theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nội dung quy định cụ thể tại điểm c khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

g) Một số nội dung khác:

Điều 30, Điều 35, Điều 36, Điều 38 và Điều 40 sửa đổi, bổ sung về câu chữ để phù hợp thực tế.

Bãi bỏ Điều 37 quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai do đã đưa lên Điều 32a.

Điều 39 bổ quy định trình tự tiêu hủy biên lai đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đối với Cục Hải quan.

Bổ sung Điều 55a quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 14, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 35 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

5. Nhóm nội dung về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử được quy định từ Điều 46 đến Điều 54 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP gồm:

Điều 46. Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Điều 47. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử.

Điều 48. Công bố, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 49. Đăng ký, bổ sung, chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 50. Chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 51. Thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 52. Trách nhiệm của Tổng cục Thuế.

Điều 53. Trách nhiệm của bên sử dụng thông tin.

Điều 54. Kinh phí thực hiện.

Vấn đề phát sinh: Thực tế đã có trường hợp bên sử dụng thông tin có văn bản yêu cầu Tổng cục Thuế cung cấp 30 tài khoản để truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến việc bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử. Do đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung các điều khoản quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin HĐĐT để đảm bảo tính bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử, và đồng thời đảm bảo việc truy cập, tra cứu, sử dụng thông tin của bên sử dụng thông tin. Ngoài ra, quy định hiện hành chưa quy định việc cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước có hoạt động tố tụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý thuế nước ngoài nên quá trình thực hiện có vướng mắc.

Dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương đã sửa đổi, bổ sung các Điều nêu trên. Về cơ bản, các ý kiến đều thống nhất với dự thảo Nghị định. Ngoài ra, Bộ GTVT có ý kiến tham gia cụ thể tại Điều 49 (đã được giải trình tại Bản tổng hợp ý kiến).

Các nội dung được sửa đổi, bổ sung từ Điều 46 đến Điều 54 như sau:

(i) Điều 46: Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm e vào khoản 2 về các bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng thông tin HĐĐT *để phục vụ hoạt động tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

(ii) Điều 47: Sửa đổi quy định về hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử đối với các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau: Trường hợp bên sử dụng thông tin là người bán, người mua hàng hóa, dịch vụ thì truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin; sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, sử dụng thông tin trên Cổng đối với công ty mẹ cần khai thác dữ liệu của các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc; bổ sung, quy định trách nhiệm của Tổng cục Thuế, Cục Thuế thực hiện cấp tối đa hai (02) tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên để tránh tràn lan, để ảnh hưởng đến tính bảo mật thông tin của người nộp thuế.

(iii) Điều 48: Sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin hóa đơn điện tử cơ quan thuế cung cấp phù hợp phương án kỹ thuật đang được triển khai của hệ thống hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế. Theo đó, bỏ hình thức cung cấp thông tin qua tin nhắn. Các nội dung về sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động tại các Điều 49, 50, 52 được bỏ tương ứng.

(iv) Bỏ Điều 51 quy định về thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử do việc cung cấp thông tin bằng hình thức cấp tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin điện tử về hóa đơn điện tử do người được cấp chủ động thực hiện nên không cần quy định

(v) Điều 53 quy định về trách nhiệm của bên sử dụng thông tin: bổ sung quy định: *các thông tin thu thập từ cơ quan thuế, bên sử dụng thông tin không cung cấp thông tin cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của cơ quan thuế cung cấp thông tin hoặc tài khoản nhằm tăng cường bảo mật thông tin của người nộp thuế.*

(vi) Điều 54 quy định về kinh phí thực hiện việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử. Do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 không ban hành kèm theo Quy chế, mà nội dung thực hiện được quy định tại ngay Nghị định, do đó, thay từ “*Quy chế*” bằng từ “*Nghị định*” cho chính xác.

Nội dung quy định cụ thể từ khoản 25 đến khoản 33 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

6. Một số nội dung khác

a) Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Tại Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về giải thích từ ngữ có

13 khoản, giải thích các từ ngữ dùng trong Nghị định này.

Qua quá trình thực hiện phát sinh hai (02) nội dung cần đưa vào quy định tại Nghị định và có năm (05) nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Cụ thể;

- Một số từ ngữ cần bổ sung giải thích để hiểu và thực hiện được thống nhất như: *“Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”*, *“Máy tính tiền”*.

- Bổ sung làm rõ thêm định nghĩa hóa đơn, chứng từ giả là hóa đơn, chứng từ được lập để nộp thuế cho hàng hóa mua bán thực tế không phải là hàng hóa được ghi trên hóa đơn.

- Liên quan đến hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cần bổ sung nội dung giải thích từ ngữ để có cơ sở pháp lý cho chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng;

- Chưa có nội dung quy định về việc hóa đơn, chứng từ điện tử lưu trữ bao lâu thì được tiêu hủy

- Ngoài ra, sửa đổi, bổ sung về câu chữ tại khoản 5, khoản 12 để phù hợp thực tế;

- Bỏ khoản 10 về hủy hóa đơn, chứng từ do không còn nghiệp vụ hủy hóa đơn, chứng từ tại Điều 19, Điều 33 (dự thảo Nghị định bỏ quy định về hủy hóa đơn tại Điều 19 và hủy chứng từ tại Điều 33).

- Bổ sung một khoản giải thích từ ngữ về *Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế* trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định về quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Về định dạng hóa đơn điện tử (Điều 12)

Tại Điều 10 bổ sung quy định về nội dung hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế. Mẫu hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế được quy định tại Thông tư 92/2019/TT-BTC và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã được quy định. Tuy nhiên khi chuyển sang phương thức điện tử thì phát sinh vướng mắc trong công tác phối hợp luân chuyển chứng từ giữa doanh nghiệp, cơ quan hải quan và NHTM là đại lý hoàn thuế, do đó, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan trong việc xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế đối với hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

Khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung để quy định nội dung trên.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

c) Về xử lý chuyển tiếp (Điều 60)

Bổ sung tại Điều 60 lộ trình để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cơ sở kinh doanh thực hiện chuyển đổi áp dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 37 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

d) Về trách nhiệm thi hành (Điều 61)

Điều 61 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định trách nhiệm thi hành đối với: (i) Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố; (ii) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và (iii) Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trong việc thi hành Nghị định này.

Để triển khai thực hiện đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định, cần sự phối hợp của:

(i) Ngân hàng Nhà nước trong việc chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong việc kết nối, cung cấp thông tin với cơ quan quản lý thuế liên quan đến giao dịch qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

(ii) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc hỗ trợ các cơ sở kinh doanh trong việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Điều 15 Luật Quản lý thuế có quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong đó có Bộ Tài chính (quy định tại khoản 1), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (quy định tại khoản 5) và Điều 20 Luật Quản lý thuế có quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Tuy nhiên, chưa có các nội dung cần thiết nêu trên.

Tại khoản 11 Điều 15 Luật Quản lý thuế có quy định:

“11. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý thuế theo quy định của Chính phủ.”

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai thông tin người nộp thuế và nhiệm vụ, quyền hạn của NHTM; cũng chưa có các nội dung cần thiết nêu trên.

Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 11 Điều 15 Luật Quản lý thuế, Điều 61 bổ sung các quy định về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng dữ liệu hóa đơn thương mại vào hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 38 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

đ) Sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu:

Cùng với việc sửa đổi các Điều nêu trên thì một số biểu mẫu cũng được sửa đổi theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ hiểu nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ nội dung, thông tin để quản lý theo phương thức điện tử. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung các Biểu mẫu sau:

a) Đối với hóa đơn điện tử:

- Nghị định sửa đổi, bổ sung Phiếu tổng hợp doanh thu đối với hoạt động casino, trò chơi điện tử có thưởng nên bổ sung Mẫu 01/TH-DT.

- Do Điều 15, Điều 16 Nghị định sửa đổi bổ sung các thông tin về đại diện theo pháp luật, tên Hộ, cá nhân kinh doanh); Cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công lập hóa đơn trên Cổng thông tin điện tử của CQT; bổ sung thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ, thông tin đơn vị truyền nhận và trường hợp NNT tạm ngừng sử dụng HĐĐT nên Sửa đổi Mẫu 01/ĐKTD-HĐĐT, Bổ sung Mẫu số 01/TB-NSDHD;

- Do Điều 13 sửa đổi, bổ sung việc hóa đơn theo từng lần phát sinh được điều chỉnh, bổ sung và sửa đổi về mã định danh, mã số QHVN nên Sửa đổi Mẫu 06/ĐN-PSĐT đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh: Bổ sung thông tin về mã định danh, mã QHVN của người đại diện pháp luật cho phù hợp với pháp luật về định danh; mã hồ sơ giúp cơ quan thuế dễ dàng tra cứu. Hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được điều chỉnh, thay thế do đó, bổ sung các thông tin về các hóa đơn đã được cấp và thông tin cần sửa đổi;

- Do Điều 19 cho phép 1 hóa đơn thay thế/điều chỉnh cho nhiều hóa đơn có sai sót nên Bổ sung Mẫu 01/BK-ĐCTT: bảng kê hóa đơn điều chỉnh, thay thế trong trường hợp người bán đã lập sai nhiều hóa đơn điện tử cho cùng một người mua;

- Ngoài ra sửa đổi mẫu 04/SS-HĐĐT giải thích rõ các trường hợp phải nộp mẫu 04/SS-HĐĐT theo quy định tại Điều 19 (Thông báo hoặc giải trình với CQT); Mẫu số 01/TH-HĐĐT: gộp chung sửa đổi, bổ sung không tách riêng thành 02 trường sửa đổi, hoặc bổ sung do quy định không quy định rõ trường hợp nào là sửa đổi, trường hợp nào là bổ sung, bổ sung thêm các trường tỷ giá, tổng tiền giảm giá, các tổng tiền phí, lệ phí (nếu có).

b) Đối với chứng từ điện tử:

- Bỏ Mẫu 01/ĐKTD-BL - Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng biên lai và thay thế bằng Mẫu 01/ĐKTD-CTĐT - Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử;

- Bổ sung Mẫu 04/SS-CTĐT - Thông báo chứng từ điện tử đã lập sai do

chứng từ điện tử được điều chỉnh như hóa đơn điện tử.

- Sửa đổi Mẫu số BC26/BLĐT báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử, theo đó bổ sung tổng tiền thuế, phí, lệ phí.

c) Sửa đổi, bổ sung các thông báo của CQT:

Do các thay đổi ở trên mà các thông báo của CQT có sự thay đổi tương ứng cụ thể:

- Mẫu 01/TB-TNĐT về việc tiếp nhận/không tiếp nhận tờ khai;

- Mẫu 01/TB-ĐKĐT thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin;

- Mẫu 01/TB-KTT thông báo hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử không thu tiền cho phù hợp với các nội dung sửa đổi tại dự thảo Nghị định.

- Mẫu số 01/TB-NSDHD, Mẫu số 01/TB-NSDHD: Thông báo NNT ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền.

Dự thảo lấy ý kiến có gửi các Mẫu biểu sửa đổi, bổ sung.

VI. VỀ VIỆC TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Tiếp thu sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Về cơ bản, Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức và doanh nghiệp đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và đã hoàn thiện, chỉnh lý các nội dung như đã nêu tại khoản 5 Tờ trình này. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, cụ thể như sau:

(1) Về thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh xổ số.

(2) Về thời điểm lập hóa đơn hoạt động casino, trò chơi điện tử có thưởng.

(3) Thời điểm lập hóa đơn hoạt động cho vay của ngân hàng.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Sau khi Nghị định sửa đổi được ban hành, Bộ Tài chính sẽ tập trung nguồn lực thực hiện các công việc sau:

- Có văn bản giới thiệu nội dung mới của Nghị định sửa đổi;

- Giao Tổng cục Thuế/các Cục thuế tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, phổ biến đến người nộp thuế đồng thời giải đáp các thắc mắc;

- Ban hành Quy trình quản lý hóa đơn, biên lai điện tử phù hợp với nội dung Nghị định sửa đổi;

- Sửa đổi, bổ sung ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử phù hợp với nội dung Nghị định sửa đổi;

Về hiệu lực thi hành: Bộ Tài chính đề xuất Nghị định sửa đổi có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

Trên đây là nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định; Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Bản giải trình chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Bản chụp ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Báo cáo đánh giá tác động).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCT (VP, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn